

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 của khối các cơ quan hành chính nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ;

Căn cứ Đề án số 14-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ Đề án số 06-ĐA/TU ngày 28/10/2020 của Thành ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị thành phố giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ chỉ thị số 08-CT/TU ngày 09/4/2021 của Ban thường vụ Thành ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính và lãnh đạo chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Lào Cai giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND, ngày 13/9/2021 của UBND thành phố Lào Cai v/v Triển khai thực hiện nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của chính phủ và đề án số 14-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai, Đề án số 06- ĐA/TU ngày 28/10/2020 của Thành ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính thành phố giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 của khối các cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

1.1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn thành phố nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực, liêm chính, phục vụ nhân dân.

1.2. Triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố đảm bảo đúng lộ trình cải cách của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021.

1.3. Cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Đề án số 14-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh

Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025 ; đề án số 06-ĐA/TU ngày 28/10/2020 của Thành ủy Lào Cai về đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị thành phố giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu:

2.1. Nâng cao chất lượng triển khai cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu năm 2022.

2.2. Tăng cường trách nhiệm của các phòng ban chuyên môn; UBND các xã, phường trong việc triển khai kế hoạch cải cách hành chính. Có sự liên thông, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết của Chính phủ; Đề án của Tỉnh ủy, Thành ủy đảm bảo khoa học, đồng bộ, hiệu quả. Gắn cải cách hành chính với cải cách tư pháp; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

2.3. Xác định rõ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính của Chính phủ; của tỉnh và thành phố.

2.4. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Đề án của Tỉnh ủy, Thành ủy. Thực hiện nghiêm việc báo cáo, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết, Đề án đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

1.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên địa bàn thành phố, đổi mới phương thức điều hành của chính quyền; xây dựng tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quản lý biên chế theo vị trí việc làm. Chú trọng xây dựng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời đảm bảo cân đối tỷ lệ người địa phương, cán bộ nữ. Tăng cường bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Đẩy mạnh cải cách tài chính công. Hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, điều hành trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan, đơn vị bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

1.2. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của thành phố tăng 1 đến 2 bậc, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - truyền thông (ICT - Index) trên địa bàn thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Cải cách thể chế:

a) 100% cơ quan, đơn vị công khai, minh bạch quy trình giải quyết công việc với người dân, tổ chức và doanh nghiệp; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

b) 100% văn bản quy phạm pháp luật của thành phố cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, có tính khả thi cao, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận.

c) Triển khai hiệu quả 100% văn bản của Trung ương, tỉnh để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

d) Tập trung hoàn thiện thể chế mà trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.

đ) Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ có chất lượng tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp cơ chế, chính sách tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế.

e) Đổi mới sáng tạo và xây dựng cơ chế chính sách để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số phục vụ có hiệu quả việc xây dựng chính quyền điện tử.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính:

a) Cải cách mạnh mẽ quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước nhằm tạo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; đảm bảo đến năm 2025, mức độ hài lòng về thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%.

b) 100% thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã tiếp tục được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu 100% số lượng hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn.

c) Phấn đấu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

d) 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 20% trở lên.

đ) Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp cấp huyện, cấp xã phấn đấu đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 50%, 40%.

e) 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến lên mức độ 4; 100% thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

g) 100% cơ quan, đơn vị có thủ tục hành chính được đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

h) 100% các cơ quan, đơn vị phải công khai thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức; 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; ký số và gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng.

i) 80% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

k) Phần đầu 50% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.”

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

a) Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, vị trí việc làm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tinh gọn, hiệu quả, thành lập tổ chức hành chính mới đáp ứng yêu cầu về tiêu chí thành lập theo Nghị định của Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

b) Giảm tối thiểu 3% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 3% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

c) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 85%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

d) Thực hiện hiệu quả bộ Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

2.4. Cải cách chế độ công vụ:

a) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

b) tiếp tục đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức.

d) 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, trong đó 90% cán bộ có trình độ đại học trở lên, 90% công chức có trình độ đại học trở lên.

đ) Bình quân mỗi năm 30% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được kiểm tra công vụ, gắn với kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ.

e) Số công chức được tuyển dụng mới không quá 2/3 số công chức ra khỏi biên chế, số còn lại được bổ sung cho các địa phương, đơn vị cần tăng cường.

2.5. Cải cách tài chính công:

a) Đẩy mạnh việc phân cấp lĩnh vực tài chính - ngân sách, tạo sự chủ động cho ngân sách các cấp, nâng cao vai trò trách nhiệm, năng động, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền trong quản lý thu, chi, nâng dần tỷ lệ tự cân đối thu chi của đơn vị; năm 2022, có tối thiểu 02 đơn vị tăng tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên thêm 2% so với năm trước. Tiếp tục duy trì 100% cơ quan hành chính, 100% đơn vị sự nghiệp được giao khoán biên chế và kinh phí hành chính.

b) Thực hiện cơ chế chính sách của địa phương, phân bổ ngân sách nhà nước cho các đơn vị bảo đảm tính chủ động, tích cực.

c) Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính, đẩy mạnh tự chủ tài chính đảm bảo đến năm 2025 tiếp tục duy trì 5/5 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

a) 100% cơ quan trong toàn hệ thống chính trị được đầu tư đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, trên 90% cơ quan, đơn vị được số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành trọng điểm, có sự kết nối chia sẻ dữ liệu, hình thành kho dữ liệu lớn, hệ sinh thái chính quyền điện tử phục vụ hệ thống chính trị, phục vụ xã hội.

c) Tối thiểu 75% hồ sơ công việc cấp huyện, 50% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) Tối thiểu 50% các cuộc họp, học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết được tổ chức trực tuyến. 90% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống báo cáo Quốc gia; 60% các hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

đ) 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

e) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin.

f) 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

g) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm của người dùng, khi sử dụng được diễn sẵn dữ liệu mà người

dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; Công dịch vụ công hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên nền tảng số.

h) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7 đối với các dịch vụ đã cung cấp trực tuyến, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

i) 100% hồ sơ được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định;

k) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;

l) Triển khai hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số của thành phố.

III. NHIỆM VỤ

1. Cải cách thể chế:

1.1. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi. Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong quá trình xây dựng thể chế; công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn, lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân phải được quan tâm, coi trọng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các thể chế ban hành.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

1.3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

2.1. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.

2.2. Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; số hóa kết quả thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và các xã, phường. Thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2.5. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho nhân dân.

2.6. Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước để nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

2.7. Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

2.8. Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

2.9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Triển khai có hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

3.1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

3.3. Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

3.4. Khuyến khích sáp nhập điều chỉnh địa giới hành chính phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở địa phương. Sáp nhập, hoặc giải thể những đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết cho công tác quản lý nhà nước.

3.5. Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các

cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ:

4.1. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển chung đất nước và của Tỉnh và thành phố; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

4.2. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

4.3. Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và có quy định về xử lý các vi phạm.

4.4. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong và ngoài nước theo nhu cầu công việc và vị trí việc làm; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ.

4.5. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

4.6. Ứng dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong các hoạt động thi tuyển; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

4.7. Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

5. Cải cách tài chính công:

5.1. Thực hiện tốt các chính sách thuế, phí, lệ phí; Quản lý chặt chẽ và khai thác hợp lý các nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế, tăng cường chống thất thu ngân sách nhà nước.

5.2. Tăng cường phân cấp ngân sách, tạo sự chủ động, năng động sáng tạo cho các cấp chính quyền.

5.3. Đẩy mạnh tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính. Thực hiện hiệu quả cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách theo hướng gắn với việc kiểm soát chất lượng đầu ra của nhiệm vụ.

5.4. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ đơn vị sự nghiệp theo hướng tăng dần tỷ lệ tự chủ về tài chính, giảm dần cấp phát ngân sách nhà nước trực tiếp, từng bước nâng dần tỷ trọng đấu thầu, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập.

5.5. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan, đơn vị.

5.6. Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước về công khai ngân sách nhà nước, đa dạng hóa các hình thức công khai ngân sách nhà nước.

5.8. Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính, đẩy mạnh tự chủ tài chính.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

6.1. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là cấp xã.

6.2. Tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Phát huy hiệu quả công nghệ thông tin điện tử.

6.3. Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

6.4. Thực hiện chuẩn hóa, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ dùng chung (Cơ sở dữ liệu người dùng, Cơ sở dữ liệu danh mục đơn vị hành chính, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; thủ tục hành chính, doanh nghiệp,... và cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung quốc gia triển khai trên địa bàn thành phố: dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm...); hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị; Cơ sở dữ liệu mở; cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

6.5. Tiếp tục thực hiện chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để ứng dụng công nghệ thông tin toàn diện trong các quy trình hoạt động, rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

6.8. Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử, như: quản lý văn bản, tài liệu điện tử, tài liệu họp, phòng họp trực tuyến, quản lý kế hoạch và theo dõi công việc qua mạng,... để đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số.

6.9. Tăng cường công tác kiểm tra xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính; ưu tiên triển khai ISO điện tử.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác cải cách hành chính từ UBND thành phố; Chủ tịch UBND thành phố đến các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, phường; Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm trong việc triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính của thành phố

2. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính của thành phố và cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải

cách hành chính trong Chương trình tổng thể. Có cơ chế phối hợp, thống nhất, phân công trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để đảm bảo kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

3. Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn; Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính và chịu trách nhiệm về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được giao; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. coi trọng công tác thi đua khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.

4. Gắn kết quả đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, theo nguyên tắc kết quả đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị và người đứng đầu đơn vị không cao hơn kết quả đánh giá xếp loại Chỉ số CCHC trong năm đánh giá của đơn vị đó.

5. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Phát huy vai trò tích cực của báo chí, các cá nhân, tổ chức trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực và tiêu cực của các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

6. Đẩy mạnh kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả.

7. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và xã, phường.

8. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn; UBND các xã, phường.

9. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các yêu cầu trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015; Duy trì hoạt động có hiệu quả Ban chỉ đạo ISO; tuyên truyền, phổ biến về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 theo mô hình khung trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân thực sự hiểu sâu, rộng về hệ thống quản lý chất lượng.

10. Hàng năm, đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện cải cách hành chính của thành phố. Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

11. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

12. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung cải cách hành chính nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

13. Gắn công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật với việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, cụ thể: Thường xuyên kiểm tra, đánh giá và kịp thời có biện pháp nhắc nhở, xử lý CBCCVN có thái độ tiêu cực, làm việc quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu. Phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến, biểu dương những tập thể, cá nhân có những giải pháp thực hiện tốt công tác CCHC tại địa phương.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện: **6.408.200.000 đồng** (có khái toán kinh phí chi tiết thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2022 ban hành kèm theo Kế hoạch này).

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình cải cách hành chính: Ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hoá, nguồn khác (nếu có). Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố, UBND các xã, phường

1.1 Xây dựng kế hoạch, chương trình chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

(có biểu phân công cụ thể kèm theo)

1.2 Bố trí đủ nhân lực, nguồn tài chính, có giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên theo dõi, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vướng mắc trong triển khai thực hiện.

1.3 Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu về tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC với Thành ủy, UBND thành phố (qua Phòng Nội vụ tổng hợp), cụ thể:

+ Báo cáo quý I gửi trước ngày 15/02/2022 (Số liệu tính từ 15/11/2021 đến 10/2/2022).

+ Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/5/2022 (Số liệu tính từ 15/11/2021 đến 10/5/2022).

+ Báo cáo quý III gửi trước ngày 15/8/2022 (Số liệu tính từ 15/05/2022 đến 10/8/2022).

+ Báo cáo năm gửi trước ngày 15/11/2022 (Số liệu tính từ 15/11/2021 đến 10/11/2022).

1.4 Ngoài các nhiệm vụ chung nêu trên, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường còn có trách nhiệm tham mưu cho UBND thành phố chỉ đạo, hướng

dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trên toàn thành phố.

2. Phòng Nội vụ thành phố.

2.1 Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; báo cáo đề xuất UBND thành phố khen thưởng đối với cơ quan, cá nhân đạt thành tích tốt, phê bình đối với cơ quan, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt nhiệm vụ cải cách hành chính; kịp thời báo cáo kết quả, đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch UBND thành phố những giải pháp để đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn.

2.2 Tổng hợp tình hình cải cách hành chính trên địa bàn thành phố báo cáo với Sở Nội vụ và UBND tỉnh, Thường trực Thành ủy đảm bảo nội dung và thời gian quy định.

2.3 Tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2.4 Tham mưu cho UBND thành phố tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 06 “Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị thành phố, giai đoạn 2021-2025”.

3. Văn Phòng HĐND và UBND thành phố.

3.1 Chủ trì phối hợp với Phòng Nội vụ kiểm tra, giám sát về tinh thần trách nhiệm, thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; tiếp tục triển khai kế hoạch tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân về giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa thành phố.

3.2 Chủ trì phối hợp với Phòng Nội vụ chỉ đạo công tác kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính; khảo sát về mức độ giảm thời gian, chi phí hành chính cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

3.3 Quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa thành phố.

3.4 Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

4. Phòng Tư pháp.

Thực hiện các nhiệm vụ liên quan cải cách thể chế; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật kịp thời đến toàn thể CBCCVV và Nhân dân về những văn bản quy phạm pháp luật.

5. Phòng Tài chính Kế hoạch.

5.1 Chủ trì hướng dẫn các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố, UBND các xã, phường lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí hàng năm theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

5.2 Tham mưu cho UBND thành phố thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước và hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2022.

5.3 Tham mưu cho UBND thành phố bố trí đầy đủ nguồn kinh phí thực hiện cho công tác CCHC của thành phố.

6. Phòng Văn hóa thông tin

Tham mưu thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước; công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND thành phố cập nhật đầy đủ, kịp thời các TTHC trên cổng thông tin điện tử thành phố; tăng cường sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến giữa thành phố và xã, phường.

7. Trung tâm Văn hóa - TTTT thành phố

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tình hình cải cách hành chính, với nhiều hình thức, như: Đăng tin, bài trên Cổng thông tin điện tử, duy trì chuyên mục cải cách hành chính trên Báo, Đài, phát hành tờ rơi, pa nô, áp phích tuyên truyền...

Căn cứ nội dung kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo, đề xuất với UBND thành phố (qua Phòng Nội vụ) để có biện pháp kịp thời tháo gỡ và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Sở NV tỉnh Lào Cai;
- Các cơ quan chuyên môn, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đăng Khoa